

QUY TRÌNH PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC CẢM XÚC XÃ HỘI CHO SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TRẢI NGHIỆM

Hoàng Thu Huyền

Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

Tóm tắt: Phát triển năng lực cảm xúc xã hội cho sinh viên ngành GDMN thông qua hoạt động trải nghiệm là hoạt động cần thiết. Trong nghiên cứu của mình, chúng tôi đã tiến hành nghiên cứu về lý luận về hoạt động giáo dục trải nghiệm và lý luận về năng lực cảm xúc xã hội của sinh viên ngành giáo dục mầm non. Đồng thời, chúng tôi cũng chỉ ra được tầm quan trọng của hoạt động rèn luyện năng lực cảm xúc xã hội với sinh viên ngành GDMN. Từ đó, Chúng tôi đã vận dụng mô hình giáo dục trải nghiệm của David Kolb và đề xuất một quy trình phát triển năng lực cảm xúc xã hội cho sinh viên ngành GDMN thông qua hoạt động trải nghiệm.

Từ khóa: Hoạt động trải nghiệm, cảm xúc xã hội, năng lực cảm xúc xã hội, giáo dục mầm non, sinh viên ngành giáo dục mầm non

Nhận bài ngày 12.12.2023; gửi phản biện, chỉnh sửa và duyệt đăng ngày 28.02.2024

Liên hệ tác giả: Hoàng Thu Huyền; Email: hthuyen@daihocthudo.edu.vn

1. MỞ ĐẦU

Trong những năm gần đây, năng lực cảm xúc – xã hội (SEC) trong lĩnh vực Giáo dục mầm non (GDMN) là một vấn đề được quan tâm. Theo báo cáo hoạt động 6 tháng đầu năm 2021 của Tổng đài quốc gia bảo vệ trẻ em 111, toàn quốc có 618 cuộc gọi nhờ hỗ trợ cho trẻ 0 – 10 tuổi về tình trạng bạo hành, xâm hại. Trong đó, trẻ em từ 0 - 3 tuổi (15,5%) tăng 1,4% so với cùng kỳ năm 2020, trẻ em từ 4 - 6 tuổi (17%) tăng 1,6% so với cùng kỳ 2020 [1]. Nguyên nhân chủ yếu của tình trạng trên bắt nguồn từ những căng thẳng tâm lý và áp lực tinh thần từ những người chăm sóc trẻ. Năm 2010, trong mục 2, điều 3, Công ước Liên hiệp quốc về quyền trẻ em đưa ra thỏa thuận: “Các Quốc gia thành viên cam kết bảo đảm cho trẻ em được bảo vệ và chăm sóc cần thiết cho hạnh phúc của trẻ em, có tính đến những quyền và nghĩa vụ của cha mẹ, của những người giám hộ pháp lý hoặc những người khác chịu trách nhiệm về mặt pháp lý đối với trẻ em, và nhằm mục đích đó, sẽ thực thi tất cả mọi biện pháp pháp quy và hành chính thích hợp [2]. Thỏa thuận đưa ra nhằm nhấn mạnh tầm quan trọng của việc bảo vệ và chăm sóc hạnh phúc của trẻ em và trách nhiệm của các bên liên quan. Công ước bước đầu đã đạt được nhiều giá trị với việc đảm bảo Quyền lợi cho trẻ em. Tuy nhiên, thực trạng bạo hành trẻ em vẫn diễn ra và tình trạng căng thẳng trong lớp học vẫn còn tiếp diễn do những căng thẳng từ giáo viên và các yếu tố liên quan.

Căn cứ vào Công ước Liên hiệp quốc về quyền trẻ em (2010), Mục 4 điều 44: Đảm bảo về giáo dục cho trẻ em – Luật trẻ em (2016) Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định: “Nhà nước quy định môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường”[3]. Ngày 17 tháng 7 năm 2017, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 80/2017/NĐ-CP về “Môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường”[4]. Nghị định được áp dụng từ cấp học mầm non đến các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Theo đó, môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện là môi trường đảm bảo sự đầy đủ, an toàn về cơ sở vật chất, lành mạnh, thân thiện về mặt tinh thần. Trong môi trường giáo dục đó không có bạo lực, bạo hành. Mọi trẻ em trong trường đều được kiểm tra, hỗ trợ về tâm lý khi cần. Từ đó, trẻ làm chủ tốt hoàn cảnh và đạt được mục đích trong các mối quan hệ. Nghị định trên là cơ sở tiền đề cho việc xác định tiêu chí đánh giá chất lượng trường mầm non, xác định yêu cầu về năng lực cảm xúc – xã hội của người giáo viên mầm non. Đồng thời, nghị định cũng là cơ sở để xác định các nội dung giáo dục năng lực cảm xúc xã hội cho sinh viên ngành GDMN.

Phát triển năng lực cảm xúc xã hội cho sinh viên có thể thông qua nhiều hình thức khác nhau. Một trong những hình thức phổ biến được các nhà giáo dục sử dụng để phát triển năng lực chính là thông qua hoạt động trải nghiệm. Giáo dục trải nghiệm là một hình thức giáo dục hiện đại, nhằm tạo ra những môi trường học tập thực tiễn, sáng tạo và tích cực cho sinh viên. Một trong những lợi ích quan trọng của giáo dục trải nghiệm là rèn luyện năng lực cảm xúc xã hội cho sinh viên, giúp họ phát triển kỹ năng giao tiếp, hợp tác, thấu hiểu và giải quyết xung đột. Năng lực cảm xúc xã hội không chỉ có ý nghĩa trong quá trình học tập, mà còn là yếu tố then chốt để sinh viên thành công trong cuộc sống và sự nghiệp sau này. Nhiều nghiên cứu khoa học đã chứng minh rằng giáo dục trải nghiệm có hiệu quả cao trong việc nâng cao năng lực cảm xúc xã hội cho sinh viên, so với các phương pháp giáo dục truyền thống. Vì vậy, giáo dục trải nghiệm là một lựa chọn giáo dục hợp lý và tiên tiến cho sinh viên hiện nay.

Ở nước ta, một trong những quan điểm đổi mới giáo dục và đào tạo được nêu trong Nghị quyết Hội nghị trung ương 8 khóa XI của BCHTW là: “Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo hướng hiện đại; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của người học; khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc. Tập trung dạy cách học, cách nghĩ, khuyến khích tự học, tạo cơ sở để người học tự cập nhật và đổi mới tri thức, kỹ năng, phát triển năng lực. Chuyển từ học chủ yếu trên lớp sang tổ chức hình thức học tập đa dạng, chú ý các hoạt động xã hội, ngoại khóa, nghiên cứu khoa học...” [5]. Theo đó quan điểm chỉ đạo của Đảng là: “Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học. Học đi đôi với hành; lý luận gắn với thực tiễn; giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội” [5]. Điều đó cho thấy, việc đổi mới hình thức, phương pháp dạy học trong phát triển năng lực cảm xúc xã hội của sinh viên ngành GDMN mà đặc biệt nhấn mạnh hình thức học tập trải nghiệm. Chính vì vậy, chúng tôi lựa chọn đề tài: *Phát triển năng lực cảm xúc xã hội cho sinh viên ngành giáo dục mầm non thông qua hoạt động giáo dục trải nghiệm.*

2. NỘI DUNG

2.1. Lý luận về hoạt động giáo dục trải nghiệm và năng lực cảm xúc xã hội của sinh viên ngành giáo dục mầm non

2.1.1. Lý luận về hoạt động giáo dục trải nghiệm

a. Khái niệm về hoạt động giáo dục trải nghiệm

Hoạt động giáo dục trải nghiệm là quá trình học tập và thành tựu diễn ra ngoài lớp học truyền thống và điều đó nâng cao sự phát triển cá nhân và trí tuệ của học sinh. Như là giáo dục có thể diễn ra trong nhiều môi trường khác nhau, nhưng nó thường mang khía cạnh "vừa học vừa làm" thu hút học sinh tham gia trực tiếp vào chủ đề, công việc hoặc dịch vụ có liên quan. Nó có thể hoặc không thể được gắn với một kỷ luật cụ thể, nhưng nó thường kêu gọi học sinh tích hợp nhiều phẩm chất của nghệ thuật tự do giáo dục như tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, ra quyết định, kỹ năng giao tiếp, và quyền công dân.

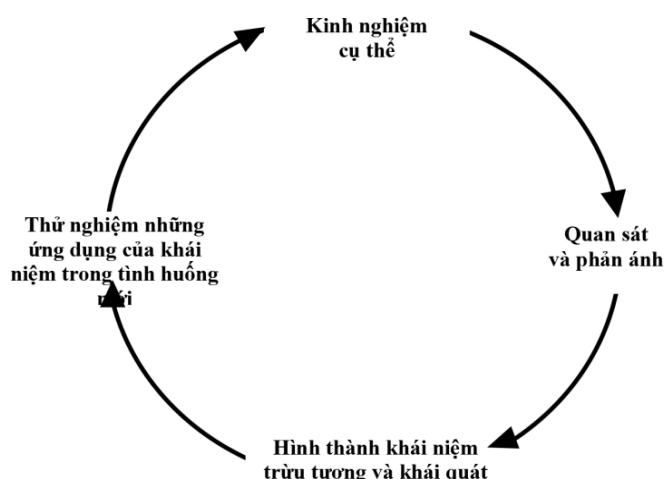
Vì vậy, trong thuật ngữ ngắn gọn nhất, giáo dục trải nghiệm tìm cách biến "kiến thức" thành "chuyên gia." Giáo dục trải nghiệm có nhiều hình thức bao gồm thực tập, du học, giáo dục hợp tác, dịch vụ học tập và kinh nghiệm thực tế như liên trường, tranh luận hoặc khảo cổ học. Giáo dục trải nghiệm thường là tự nguyện một phần của chương trình giảng dạy, mặc dù đối với một số chương trình và một số trường cao đẳng (như chúng tôi sẽ xem) nó có thể là một khóa học bắt buộc, có tín chỉ. Giáo dục trải nghiệm là một hiện tượng phổ biến đối với sinh viên truyền thống và phi truyền thống và cộng đồng cao đẳng, cao đẳng, đại học với tỷ lệ ngang nhau. Năm 1987, Ernest Boyer lưu ý trong cuốn sách có ảnh hưởng của ông, *College: The Undergrad Experience in America*, rằng việc học đã vượt ra khỏi khuôn viên trường để đến nhà, nơi làm việc và thế giới xung quanh [6].

Theo Kolb, hoạt động trải nghiệm là một quá trình liên tục gồm bốn giai đoạn: trải nghiệm cụ thể, quan sát phản ánh, khái niệm trừu tượng và thử nghiệm hoạt động. Mỗi giai đoạn đều có vai trò quan trọng trong việc hình thành và phát triển kỹ năng, kiến thức và thái độ của người học. Hoạt động trải nghiệm không chỉ giúp người học tiếp thu thông tin mà còn kích thích sự sáng tạo, tương tác và phản hồi [7].

b. Quy trình tổ chức hoạt động trải nghiệm

Trên thế giới, tư tưởng về giáo dục thông qua hoạt động trải nghiệm đã được nhiều nhà khoa học nghiên cứu như Jonh Dewey, Jean Piaget,... Cùng với Jonh Dewey và Jean Piaget, mô hình học tập trải nghiệm của David A Kolb là một trong những lý thuyết trực tiếp của hoạt động trải nghiệm trong giáo dục. Lý thuyết học qua trải nghiệm do David Kolb đề xuất là sự kế thừa và phát triển lý thuyết học tập qua kinh nghiệm của John Dewey, của Kurt Lewin và dựa trên cơ sở các lý thuyết tâm lý học về sự phát sinh, phát triển trí tuệ cá nhân của J Piaget, L.X. Vygotski và các nhà tâm lý học khác. Theo David Kolb, học tập là quá trình trong đó kiến thức được tạo ra thông qua chuyển hóa kinh nghiệm. Kết quả của kiến thức là sự kết hợp giữa nắm bắt kinh nghiệm và chuyển đổi nó. Với quan điểm cho rằng học là quá trình hình thành tri thức dựa trên trải nghiệm thực tế, phân tích kinh nghiệm, và tổng hợp kiến thức, học tập trải nghiệm thực sự là một quá trình "học hành". Ông cho rằng, bản chất của học tập là một quá trình, trong đó kiến thức được tạo ra từ việc sửa đổi kinh nghiệm. Quá trình học tập như một quy trình tích hợp với mỗi giai đoạn hỗ trợ lẫn nhau và giai đoạn

trước làm nền tảng cho giai đoạn kế tiếp. Quá trình này liên tục diễn ra khi con người sử dụng kinh nghiệm đã có để tương tác với hồn cảnh sống. Người học có thể bắt đầu từ bất cứ giai đoạn nào miễn là theo đúng quy trình thì vẫn có thể thu được kết quả như nhau. (David A Kolb, 1984) [7]



Sơ đồ mô hình học tập trải nghiệm của David A Kolb

Theo Lí thuyết học tập trải nghiệm của Kolb, chu kì học tập của người học bao gồm bốn giai đoạn khác nhau. Đó là, trải nghiệm (kinh nghiệm) cụ thể, quan sát phản ánh (quan sát có tư duy), khái niệm hóa trừu tượng, thử nghiệm tích cực. Trong đó người học “chạm đến tất cả các giai đoạn”. Cụ thể như sau:

Bước 1. Kinh nghiệm cụ thể: Một trải nghiệm hoặc tình huống mới gặp phải, hoặc chất vấn kinh nghiệm vốn có, là bước trải nghiệm cụ thể và là giai đoạn học tập nhờ vào cảm nhận từ những kinh nghiệm đã có của người học. Ví dụ: người học tiến hành các hành động trên đối tượng hoặc có thể đọc sách, xem tài liệu, xem video và chủ đề đang học, Học từ những kinh nghiệm đặc biệt hoặc tham gia vào các nhiệm vụ gắn liền với thực tiễn.

Bước 2. Quan sát có tư duy. Là giai đoạn học tập dựa trên sự xem xét kĩ lưỡng một vấn đề nào đó nhằm mục đích kích thích học tập, xem xét vấn đề từ những khía cạnh và hoàn cảnh khác nhau và xử lý những gì tìm được theo ý tưởng, quan điểm hay cách thức nào đó hình thành thành định lí, nguyên tắc, công thức, mô hình, qui tắc.

Bước 3. Khái niệm hóa vấn đề trừu tượng: Đó là giai đoạn học tập nhờ vào tư duy, bao gồm: phân tích những ý tưởng một cách hợp lí, khái quát công việc để tìm ra ý tưởng hoặc lí thuyết mới.

Bước 4. Thử nghiệm tích cực: Là giai đoạn học tập thông qua thực hành tích cực để chuyển hóa nội dung học tập thành kinh nghiệm của bản thân, bao gồm: kiểm nghiệm các ý tưởng mới thông qua thực hành và ứng dụng cho những vấn đề khác, giải quyết vấn đề thông qua hành động, người học áp dụng chúng vào thế giới xung quanh để thu được kết quả.

Quá trình học tập được bắt đầu từ kinh nghiệm của một cá nhân, phát triển liên tục theo một hình xoắn ốc, từ đó, tri thức không ngừng được củng cố và mở rộng. Để phát triển sự hiểu biết khoa học, chúng ta có thể tác động vào nhận thức của người học nhưng để hình thành và phát triển phẩm chất thì người học phải được trải nghiệm. Vận dụng chu trình của

David Kolb, có thể thiết kế hoạt động học tập cho sinh viên trải qua giai đoạn trải nghiệm. Việc bắt đầu từ giai đoạn nào cho phù hợp và có hiệu quả sẽ tùy thuộc vào nội dung, đặc điểm phong cách học của người học, hoặc mục tiêu dạy học. Nhiệm vụ của giáo viên là xác định kinh nghiệm vốn có của người học, từ đó thiết kế các nhiệm vụ học tập trong vùng phát triển gần và tạo ra môi trường học tập tương tác để sinh viên tự học, chuyển hóa thành kinh nghiệm mới cho bản thân; phải xác định đúng mức độ phát triển, vốn kinh nghiệm và khả năng đáp ứng các yêu cầu của học sinh để xây dựng mục tiêu và thiết kế các hoạt động học tập trong vùng phát triển gần nhất.

2.1.2. Lí luận về Năng lực cảm xúc xã hội và rèn luyện năng lực cảm xúc xã hội cho học viên sư phạm

Theo hướng nghiên cứu này, khái niệm "năng lực cảm xúc xã hội" xuất hiện vào những năm 1990, khi các nhà nghiên cứu Peter Salovey và John D. Mayer giới thiệu khái niệm "intelligence in emotions" (trí tuệ cảm xúc) và đề xuất rằng trí thông minh này bao gồm khả năng nhận biết, sử dụng, quản lý và điều chỉnh cảm xúc của bản thân và người khác [8]. Từ đó, NL CXXH trở thành một lĩnh vực nghiên cứu mới trong tâm lý học, nhằm khám phá và phát triển khả năng cảm xúc xã hội của con người. Nó được hiểu là khả năng nhận ra, hiểu và quản lý cảm xúc của bản thân và người khác.

Năm 2000, Salovey và Mayer đưa ra định nghĩa đầu tiên về năng lực cảm xúc xã hội, đó là "khả năng nhận thức, hiểu và điều khiển cảm xúc của chính mình và người khác, cũng như khả năng sử dụng cảm xúc này để giải quyết các vấn đề trong cuộc sống"[9].

Jennings và Greenberg (2009) nhấn mạnh tầm quan trọng của năng lực giáo viên trong SEL các kỹ năng và phúc lợi đối với khả năng của họ để phát triển các mối quan hệ lành mạnh giữa giáo viên và học sinh, một cách hiệu quả quản lý lớp học, và thực hiện các can thiệp học tập xã hội và cảm xúc của học sinh [10].

Đến năm 2013, NL CXXH được Tổ chức Hợp tác vì Học thuật, Xã hội và Cảm xúc CASEL định nghĩa là "quá trình mà trẻ em và người lớn thu nhận và áp dụng hiệu quả kiến thức, thái độ và kỹ năng cần thiết để hiểu và quản lý cảm xúc, thiết lập và đạt được các mục tiêu tích cực, cảm nhận và thể hiện sự đồng cảm với người khác, thiết lập và duy trì các mối quan hệ tích cực, và đưa ra quyết định có trách nhiệm" [11]. Đến năm 2019, CASEL đưa ra khái niệm cụ thể hơn về học tập xã hội và cảm xúc. Nó được hiểu là một quá trình qua đó trẻ em và người lớn hiểu và quản lý cảm xúc, thiết lập và đạt được các mục tiêu tích cực, cảm nhận và thể hiện sự đồng cảm với người khác, thiết lập và duy trì các mối quan hệ tích cực, và thực hiện trách nhiệm quyết định.

Năng lực cảm xúc xã hội là một tập hợp bao gồm kiến thức, kỹ năng, hành vi, giá trị và cảm xúc của mỗi cá nhân khi tham gia vào quá trình tương tác và giao tiếp xã hội với người khác nhằm đạt được mục đích cụ thể. Theo CASEL (2013) năng lực cảm xúc xã hội có cấu trúc gồm: Tự nhận thức, tự quản lý, nhận thức xã hội, năng lực quan hệ xã hội và ra quyết định có hiệu quả [11]

Rèn luyện năng lực cảm xúc xã hội là quá trình phát triển và hoàn thiện bản thân về kiến thức, kỹ năng, hành vi, cảm xúc trong việc nhận thức, quản lý và tương tác với cảm xúc của mình, cảm xúc của người khác thông qua các hoạt động. Từ đó, cá nhân đưa ra được những quyết định hành động phù hợp nhằm đạt được mục đích.

Rèn luyện năng lực cảm xúc xã hội cho sinh viên sư phạm là quá trình phát triển và hoàn thiện cho học viên sư phạm về kiến thức, kỹ năng, hành vi, cảm xúc trong việc nhận thức, quản lý và tương tác với cảm xúc của mình, cảm xúc của người khác thông qua các hoạt động giáo dục. Từ đó, sinh viên đưa ra được những quyết định hành động phù hợp với đối tượng nhằm đạt được mục đích giáo dục.

2.2. Tầm quan trọng của năng lực cảm xúc xã hội đối với hoạt động nghề nghiệp của giáo viên – Kinh nghiệm nghiên cứu trên thế giới.

** Năng lực cảm xúc xã hội ảnh hưởng đến sức khỏe tâm thần của giáo viên*

Jennings và cộng sự (2009) đã nghiên cứu về kết quả học tập của học sinh với năng lực cảm xúc xã hội của giáo viên đã chỉ ra rằng: Tồn tại mối quan hệ giữa năng lực cảm xúc xã hội và tình trạng kiệt sức của giáo viên. Tức là khi tình trạng kiệt sức và căng thẳng của giáo viên kéo dài sẽ khiến cho năng lực cảm xúc xã hội của giáo viên giảm mạnh và dần trở nên mất kiểm soát [10].

Cũng trong một nghiên cứu về hỗ trợ học tập cảm xúc xã hội cho giáo viên, Zinsser và cộng sự (2016), đã chỉ ra rằng mặc dù giáo viên làm việc trong các lớp học riêng lẻ, nhưng họ có nhận thức về môi trường nơi làm việc, khả năng tiếp cận hỗ trợ mặc dù ở mức độ thấp hơn, có những điểm chung về sức khỏe tâm lý và sự hài lòng trong công việc. Hơn nữa, tại các trung tâm đã triển khai nhiều hỗ trợ hơn cho học tập cảm xúc xã hội của trẻ em (bao gồm tiếp cận với chuyên gia tư vấn sức khỏe tâm thần, chương trình giảng dạy trên lớp, đào tạo và tài nguyên cho giáo viên) [12]. Vì vậy, giáo viên ít chán nản hơn, hài lòng hơn với công việc của họ, cảm thấy được hỗ trợ nhiều hơn trong việc quản lý hành vi và đã xem môi trường làm việc của trung tâm của họ là tích cực hơn.

Chung hướng nghiên cứu về năng lực cảm xúc xã hội cho giáo viên, Buettner và cộng sự (2016) trong một nghiên cứu về các yếu tố liên quan đến khả năng đáp ứng và cam kết nghề nghiệp của giáo viên đã cho thấy: Gánh nặng tâm lý của giáo viên (trầm cảm, căng thẳng và kiệt sức về cảm xúc) có liên quan đến phản ứng tiêu cực của giáo viên đối với học sinh [13]. Mức độ kiệt sức của giáo viên cao hơn có liên quan việc học sinh nhận được xếp hạng năng lực cảm xúc xã hội thấp hơn. Học sinh nhận thấy sự căng thẳng giáo viên đứng lớp của họ. Sự căng thẳng và kiệt sức của giáo viên có thể làm giảm chất lượng giảng dạy của họ và các tương tác trong lớp học. Giáo viên cũng nhận ra rằng tình trạng căng thẳng, kiệt sức ảnh hưởng sâu sắc đến tinh thần của họ. Nhiều giáo viên còn thường xuyên chuyển hóa những căng thẳng tiêu cực đó lên học sinh. Dẫn đến mối quan hệ trong lớp học trở nên căng thẳng.

Aldrup và cộng sự (2020) đã khẳng định: Năng lực cảm xúc xã hội được xem là chìa khóa cho cả sức khỏe đồng nghiệp của giáo viên và sự phát triển tích cực của học sinh [14]. Có thể thấy: Tình trạng căng thẳng, kiệt sức của giáo viên phần lớn đến từ cảm xúc xã hội của họ với chính mình và với các đối tượng khác. Các nghiên cứu đã cho thấy tình trạng kiệt quệ về sức khỏe tâm thần của giáo viên đến từ các mối quan hệ căng thẳng trong môi trường lớp học, đã ảnh hưởng sâu sắc tới tinh thần và hành vi của giáo viên. Nhiều giáo viên đã chuyển tình trạng tiêu cực đó lên người học làm cho mối quan hệ trong lớp học trở nên căng thẳng và ảnh hưởng đến năng lực cảm xúc xã hội của người học trong lớp. Chính vì vậy, từ khóa năng lực cảm xúc xã hội được xem là công cụ giúp cho mối quan hệ trong quá trình giáo dục trở nên tốt đẹp hơn và đạt hiệu quả cao hơn.

** Năng lực cảm xúc xã hội ảnh hưởng đến lòng yêu nghề của giáo viên*

“Khi được tham gia học tập cảm xúc xã hội, giáo viên ít chán nản hơn, hài lòng hơn với công việc của họ, cảm thấy được hỗ trợ nhiều hơn trong việc quản lý hành vi thách thức và xem môi trường làm việc tại trung tâm của họ là tích cực hơn”[15]. “Việc hỗ trợ sức khỏe của các giáo viên là điều cần thiết để duy trì lực lượng lao động và thúc đẩy mối quan hệ chất lượng giữa nhà giáo dục và người được giáo dục, vốn là trọng tâm đối với việc học tập và phát triển của học sinh”[16]. Có thể thấy, việc hỗ trợ về mặt tâm lý cho giáo viên trong việc quản lý suy nghĩ và hành vi có vai trò rất quan trọng đối với mối quan hệ giữa giáo viên và học sinh. Khi giáo viên được hỗ trợ, họ sẽ nhìn nhận mọi tình huống sáng suốt và đưa ra những quyết định phản ứng phù hợp, mang tính giáo dục cao hơn. Từ đó, họ xây dựng được mối quan hệ tích cực trong lớp học và vun đắp lòng yêu nghề của giáo viên hơn.

Khi nghiên cứu về mối tương quan giữa năng lực cảm xúc xã hội của giáo viên và sự cam kết chuyên nghiệp cùng khả năng đáp ứng yêu cầu của nghề nghiệp của họ, Buettner và cộng sự, (2016) đã chỉ ra rằng: Sự hài lòng hay không hài lòng của giáo viên đối với sự hỗ trợ xã hội nhận được đã được dự đoán bằng các triệu chứng kiệt sức [13]. Khi giáo viên hài lòng với những hỗ trợ về học tập cảm xúc xã hội nhận được, triệu chứng kiệt sức giảm dần, áp lực nghề nghiệp ít đi và lòng yêu nghề nâng lên. Ngược lại, giáo viên không nhận được sự hỗ trợ về học tập cảm xúc xã hội sẽ có biểu hiện căng thẳng, áp lực kéo dài và tăng dần theo thời gian. Mức độ ngày càng nghiêm trọng khiến cho khả năng kiểm soát suy nghĩ và hành vi của giáo viên suy giảm, ảnh hưởng tới các mối quan hệ trong môi trường giáo dục. Trong đó, nó tác động không nhỏ đến lòng yêu nghề của giáo viên. Đồng thời, mức độ căng thẳng tâm lý của giáo viên cao tương quan đến mức độ gắn bó với nghề nghiệp thấp hơn. Đây là một trong những kết luận quan trọng trong nghiên cứu của Buettner về sự cam kết nghề nghiệp của giáo viên.

Những tài liệu trên cho thấy rằng năng lực cảm xúc xã hội có ảnh hưởng sâu sắc đến tình yêu nghề của giáo viên. Nhờ được trang bị về năng lực cảm xúc xã hội, giáo viên cảm thấy bớt lo lắng, căng thẳng và bớt áp lực hơn trong hoạt động nghề nghiệp. Từ đó ta thấy rằng, trong đào tạo học viên cao học, nếu học viên được bồi dưỡng về lòng yêu nghề và tình yêu với nghề thường xuyên sẽ giúp họ khi ra trường sẽ hạnh phúc hơn với nghề mình chọn.

** Năng lực cảm xúc xã hội ảnh hưởng đến các mối quan hệ trong quá trình giáo dục*

Morris và cộng sự (2013) đã tiến hành nghiên cứu cho thấy ảnh hưởng từ năng lực cảm xúc xã hội của giáo viên đối với học sinh trong quá trình giáo dục [17]. Giáo viên phát triển các kỹ năng xã hội hóa cảm xúc của chính họ để họ có thể trở thành tác nhân xã hội hóa cảm xúc hiệu quả hơn cho học sinh. Qua việc thực hành xã hội hóa cảm xúc của giáo viên hiệu quả, giáo viên sẽ tác động lên người học nhằm giúp cho họ có cảm xúc tích cực, vui vẻ và hạnh phúc khi đến trường.

Buettner và cộng sự (2016) thấy gánh nặng tâm lý cao hơn có liên quan đáng kể đến phản ứng tiêu cực của giáo viên - gia tăng khả năng trừng phạt và giảm thiểu phản ứng đối với những cảm xúc tiêu cực của người học [13]. Không những thế, những giáo viên thường xuyên sử dụng các chiến lược đối phó lành mạnh có nhiều khả năng hỗ trợ những cảm xúc tiêu cực của học sinh bằng cách khuyến khích biểu cảm và phản ứng tập trung tích cực của họ ở mức độ cao hơn. Từ đó, mỗi quan hệ trong lớp học giữa giáo viên và học sinh trở nên thân thiện hơn.

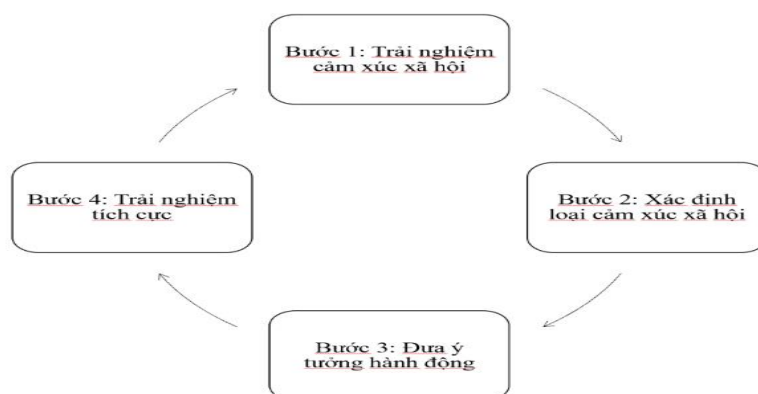
Aldrup và cộng sự (2020) thì năng lực cảm xúc xã hội của giáo viên được coi là quan trọng để làm chủ những thách thức xã hội và tình cảm vốn có trong nghề nghiệp của họ và xây dựng môi quan hệ giáo viên - học sinh tích cực [14].

Năm 2021, Tiến Sĩ Nguyễn Thanh Huyền đã bảo vệ thành công luận án Tiến Sĩ của mình với đề tài: *Bồi dưỡng trí tuệ cảm xúc trong hoạt động nghề nghiệp cho giáo viên mầm non*. Trong nghiên cứu của mình, tác giả đã nghiên cứu về trí tuệ cảm xúc – một thành phần của năng lực cảm xúc xã hội. Nghiên cứu đã đưa ra được các khái niệm cơ bản, các hoạt động bồi dưỡng trí tuệ cảm xúc cho giáo viên mầm non. Đồng thời, nghiên cứu cũng đánh giá thực trạng và đưa ra được các biện pháp bồi dưỡng trí tuệ cảm xúc cho giáo viên mầm non [18].

Nhìn chung, khi người dạy và người học hạn chế về năng lực cảm xúc xã hội sẽ làm ảnh hưởng tới các mối quan hệ trong lớp học. Bằng chứng cho thấy rằng: Khi sinh viên không tuân theo quy tắc, mất trật tự, làm ảnh hưởng đến hoạt động giảng dạy, giảng viên thường trải qua những cảm xúc tiêu cực và đấu tranh để duy trì mối quan hệ tích cực với sinh viên. Tình trạng căng thẳng kéo dài có thể dẫn tới tình trạng giảng dạy đối phó của giảng viên. Không những thế, những cảm xúc tiêu cực này có thể lây lan sang các đối tượng làm việc cùng họ như đồng nghiệp, cấp trên, phụ huynh... Điều này sẽ ảnh hưởng về mặt cảm xúc xã hội trên diện rộng. Từ đó tác động không nhỏ đến chất lượng giáo dục – đào tạo.

2.3. Phát triển năng lực cảm xúc xã hội cho sinh viên ngành giáo dục mầm non thông qua hoạt động giáo dục trải nghiệm.

Nhận thấy tầm quan trọng của năng lực cảm xúc xã hội đối với hoạt động nghề nghiệp của giáo viên. Nhiều chương trình giáo dục đã đưa cảm xúc xã hội và giảng dạy và rèn luyện cho người học. Hoạt động rèn luyện năng lực này được tiến hành dưới nhiều công cụ khác nhau như thông qua hoạt động học, thông qua thực hành, thực tập, thông qua Đoàn – Hội sinh viên. Tuy nhiên, những năm gần đây, xu hướng giáo dục theo hướng trải nghiệm đã và đang cho thấy rõ được tính hiệu quả của quá trình giáo dục trong tất cả các môn học, học phần từ cấp Mầm non đến Đại học. Chính vì vậy, trong nghiên cứu này, chúng tôi vận dụng quy trình 04 bước tổ chức hoạt động trải nghiệm của David Kolb để tổ chức hoạt động rèn luyện năng lực cảm xúc xã hội cho sinh viên ngành GDMN [7]. Qua tìm hiểu quy trình 04 bước của David Kolb, chúng tôi vận dụng đưa ra quy trình tương ứng phù hợp với việc phát triển năng lực cảm xúc xã hội cho sinh viên ngành GDMN như sau:



*Quy trình phát triển năng lực cảm xúc xã hội cho sinh viên ngành GDMN
thông qua hoạt động trải nghiệm*

Bước 1: Trải nghiệm cảm xúc xã hội: Trong bước này, giáo viên tạo điều kiện để sinh viên có thể tham gia, tiếp xúc với nhiều người, nhiều tình huống, hoàn cảnh trong môi trường lao động nghề nghiệp. Việc tiếp xúc này góp phần đa dạng hóa các trải nghiệm của sinh viên về cả xúc. Mỗi một người, một tình huống sinh viên gặp đều cung cấp cho sinh viên những cảm xúc, trải nghiệm. Từ đó, sinh viên tích lũy cho mình đa dạng các loại cảm xúc xã hội khác nhau. Hoạt động của bước này, sinh viên càng tích cực bao nhiêu thì càng tích lũy cho mình nhiều kinh nghiệm bấy nhiêu. Vốn kinh nghiệm này chính là nguyên liệu quan trọng cho việc thực hiện bước 2 của quy trình tổ chức hoạt động trải nghiệm nhằm phát triển năng lực cảm xúc xã hội cho sinh viên ngành giáo dục mầm non. Ví dụ như: Giảng viên cho sinh viên tham gia tập giảng, đóng vai xử lý các tình huống sư phạm thường gặp ở trường mầm non, tham gia các hoạt động, hội thi để sinh viên có cơ hội trải nghiệm và tiếp xúc, làm quen với môi trường làm việc trong tương lai. Từ đó giúp sinh viên hình thành những xúc cảm, tình cảm về nghề nghiệp và những người hoạt động trong môi trường giáo dục mầm non

Bước 2: Xác định loại cảm xúc xã hội: Dựa vào vốn kinh nghiệm sinh viên tích lũy từ bước 1, trong bước 2 này, sinh viên vận dụng hết những kinh nghiệm mình quan sát, trải nghiệm để nhóm các loại cảm xúc cùng loại lại với nhau và gọi tên được cảm xúc (Xác định được cảm xúc), xác định được nguồn gây ra cảm xúc tích cực hay tiêu cực đối với bản thân. Ví dụ như Khi sinh viên tham gia hoạt động thực hành, thực tập, sinh viên gặp phải một số vấn đề khó khăn trong làm quen với trẻ. Họ nhận thức được rằng trẻ không yêu quý mình, không thích gần gũi mình như những cô khác. Từ đó, sinh viên xác định được trạng thái cảm xúc của trẻ trong lớp đối với mình. Căn cứ vào tình hình thực tiễn, sinh viên xác định một số nguyên nhân gây ra cảm xúc của trẻ đối với mình như: Do bản thân chưa hòa đồng, sôi nổi, do bản thân chưa có các hoạt động gắn kết cùng các con,.....

Bước 3: Dự ý tưởng hành động: Dựa trên sự phân nhóm, xác định nguyên nhân ở nhóm 2, bước 3 sẽ tiến hành lập kế hoạch hành động để trả lời đối tượng trong hoàn cảnh đó. Ví dụ như: Từ việc xác định được nguyên nhân ở bước 2, sinh viên sẽ lên kế hoạch thiết kế một vài trò chơi cho trẻ, nghĩ ra ý tưởng kể chuyện, vận động cùng trẻ hoặc dành thời gian trò chuyện cùng trẻ,.... Tất cả những ý tưởng hành động này được sinh viên lên kế hoạch trong kế hoạch giáo dục hoặc kế hoạch thực hiện chế độ sinh hoạt một ngày của trẻ.

Bước 4: Trải nghiệm tích cực: Sau khi đưa ra được kế hoạch hành động, sinh viên sẽ tiến hành vào bước 4 là trải nghiệm tích cực. Việc làm này chính là hoạt động thực hiện kế hoạch đặt ra ở bước 3. Trong quá trình trải nghiệm tích cực về tình huống, sinh viên lại tiếp tục quay lại bước 1 và lặp lại quy trình trải nghiệm. Sau nhiều lần lặp đi lặp lại, sinh viên đã tích lũy cho bản thân những nguyên liệu cần thiết về nhận định đối với một cá nhân, tập thể và xác định được cách thức hành động với cá nhân, tập thể đó. Ví dụ như: Từ việc lên kế hoạch ở bước 3, sinh viên đến lớp và tiến hành trải nghiệm tích cực với những ý tưởng mình nghĩ ra để khảo sát tính khả quan của ý tưởng đưa ra. Trong quá trình thực hiện ý tưởng, sinh viên chú ý quan sát các biểu hiện về xúc cảm, tình cảm của trẻ xem chúng phản ứng như thế nào với trò chơi, câu chuyện, bài hát,... mà mình tổ chức cho chúng. Từ đó, sinh viên lại tiếp tục quay vòng để thực hiện lại bước 1.

* Mỗi quan hệ giữa các bước trong quy trình tổ chức hoạt động trải nghiệm nhằm phát triển năng lực cảm xúc xã hội cho sinh viên ngành GDMN: Các bước trong quy trình có mối quan

hệ mật thiết, tác động qua lại lẫn nhau. Bước đầu tiên là cơ sở cung cấp nguyên liệu để cho bước tiếp theo được diễn ra. Bước cuối cùng cũng chính là bước tiền đề để khởi động quay vòng cho bước đầu tiên của quy trình được lặp lại. Chính vì vậy, khi tổ chức hoạt động trải nghiệm, từng bước trong quy trình cần được thực hiện trình tự. Từ đó sẽ góp phần phát triển năng lực cảm xúc xã hội cho sinh viên.

3. KẾT LUẬN

Phát triển năng lực cảm xúc xã hội cho sinh viên ngành GDMN thông qua hoạt động trải nghiệm là hoạt động cần thiết. Trong nghiên cứu của mình, chúng tôi đã tiến hành nghiên cứu về lý luận về hoạt động giáo dục trải nghiệm và lý luận về năng lực cảm xúc xã hội của sinh viên ngành giáo dục mầm non. Đồng thời, chúng tôi cũng chỉ ra được tầm quan trọng của hoạt động rèn luyện năng lực cảm xúc xã hội với sinh viên ngành GDMN. Từ đó, Chúng tôi đã vận dụng mô hình giáo dục trải nghiệm của David Kolb và đề xuất một quy trình phát triển năng lực cảm xúc xã hội cho sinh viên ngành GDMN thông qua hoạt động trải nghiệm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tổng đài quốc gia bảo vệ trẻ em 111, (2021), *Báo cáo Hoạt động 6 tháng đầu năm 2021 của Tổng đài quốc gia bảo vệ trẻ em 111*.
2. Liên hiệp quốc (2010), *Công ước Liên hiệp quốc về quyền trẻ em*.
3. Quốc hội nước CHXHCNVN (2016), *Luật trẻ em*.
4. Chính phủ nước CHXHCNVN (2017), *Nghị định số 80/2017/NĐ-CP về Môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường*.
5. Quốc hội nước CHXHCNVN (2019), *Nghị quyết Hội nghị trung ương 8 khóa XI của BCHTW*
6. Ernest Boyer, (1987), *College: The Undergrad Experience in American*, HarperCollins Publishers
7. Kolb.D.A, 1984. *Experiential learning: experience as the source of learning and development*. Address: Englewood Cliffs, New Jersey; Publisher: Prentice - Hall.
8. Peter Salovey, John D. Mayer (1990), “*Emotional Intelligence*”, Imagination, Cognition, and Personality
9. Peter Salovey, John D. Mayer. (2000), “*Emotional Intelligence: Imagination, Cognition, and Personality*”, Social Intelligence anthropology magazine
10. Jennings, P. A., & Greenberg, M. T. (2009). *The prosocial classroom: Teacher social and emotional competence in relation to student and classroom outcomes*. Review of Educational Research, 79(1), 491–525. Retrieved January 24, 2020, from www.jstor.org/stable/40071173
11. Collaboration in Learning, Social and Emotional, (2013), *The CASEL Guide: Effective Social and Emotional Learning Programs — Kindergarten and Elementary Versions*. Chicago, IL: Author.
12. Zinsser, Katherine M., Claire G. Christensen, and Luz Torres, (2016), *She's Supporting Them; Who's Supporting Her? Preschool Center - Level Social - Emotional Supports and Teacher Well – Being*, Journal of School Psychology 59, 55-66, doi:10.1016 / j.jsp.2016.09.001.
13. Buettner, Cynthia K., Lieny Jeon, Eunhye Hur, and Rachel E. Garcia, (2016), *Teachers 'Social Emotional Capacity: Factors Associated With Teachers' Responsiveness and Professional Commitment*, Early Education and Development 27 (7), 1018-39, doi: 10.1080/10409289.2016.1168227.

14. Aldrup, Karen, Bastian Carstensen, Michaela M. Köller, and Uta Klusmann, (2020), *Situational Measuring Teachers ' Social - Emotional Competence: Development and Validation of a Judgment Test*, *Frontiers in Psychology* 0: 892, doi:10.3389 / FPSYG.2020.00892.
15. Zinsser, Katherine M., Claire G. Christensen, and Luz Torres, (2016), *She's Supporting Them; Who's Supporting Her? Preschool Center - Level Social - Emotional Supports and Teacher Well – Being*, *Journal of School Psychology* 59, 55-66, doi:10.1016 / j.jsp.2016.09.001.
16. Patricia Eadie et al, (2021), *Early Childhood Educators ' Wellbeing During the COVID - 19 Pandemic*, *Early Childhood Education Journal* 2021) 49 (5), 903-913, DOI:10.1007/s10643-021-01203-3.
17. Morris, Carol A. S., Susanne A. Denham, Hideko H. Bassett, and Timothy W. Curby, (2013), *Relations Among Teachers ' Emotion Socialization Beliefs and Practices and Preschoolers*.
18. Nguyễn Thị Thanh Huyền (2021), *Bồi dưỡng trí tuệ cảm xúc trong hoạt động nghề nghiệp cho giáo viên mầm non*, Luận án Tiến sĩ Khoa học GDMN, Đại học Sư phạm Hà Nội.

DEVELOPING SOCIAL - EMOTIONAL COMPETENCE FOR ARLY CHILDHOOD EDUCATION STUDENTS THROUGH PERIENTIAL LEARNING ACTIVITIES: A PROPOSED PROCESS

Abstract: *Developing social-emotional competence for students majoring in Early Childhood Education (ECE) through experiential learning activities is deemed essential. In our research, we conducted a theoretical exploration of experiential education activities and the social-emotional competence of ECE students. Simultaneously, we highlighted the significance of activities aimed at honing social-emotional skills for ECE students. Subsequently, we applied David Kolb's experiential education model and proposed a process for the development of social-emotional competence in ECE students through experiential activities.*

Keywords: *Experiential learning activities, social-emotional, social-emotional competence, early childhood education, ECE students*